

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/DS - PT
Ngày 26 - 7 - 2023
“V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung
Các Thẩm phán: Ông Phúc An Hoàn
Ông Ma Hồng Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Công Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25, 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 03/2023/TLPT - DS, ngày 16 tháng 01 năm 2023, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS - ST, ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Vũ Đức V** (Vũ Đình V), sinh năm 1945;

Địa chỉ: thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang - *Vắng mặt, có mặt người đại diện theo uỷ quyền*

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Lưu Hồ L, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 15, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - *Có mặt*.

2. Bị đơn:

- Công ty Đ Tuyên Quang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Huy T- Chức vụ: Giám đốc Công ty Đ Tuyên Quang.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Trí D; Phó trưởng phòng Thanh tra bảo vệ và pháp chế Công ty Đ Tuyên Quang (theo giấy uỷ quyền số 439/GUQ-PCTQ ngày 13/3/2023) - *Có mặt*.

- Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang - *Có mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH MTV Q - Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang

Người đại diện theo pháp luật: ông Đàm Quốc C - Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Quang B - Chuyên viên pháp lý Công ty Luật TNHH MTV Q, Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang (theo giấy ủy quyền ngày 03/5/2021) - *Vắng mặt.*

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Anh Nguyễn Văn T1: Luật sư Đàm Quốc C - *Có mặt.*

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1948 - *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1970 - *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn L1, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

- Chị Vũ Thị C1, sinh năm 1972 - *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Số nhà 08, tổ 17, phường P, thành phố T

- Anh Vũ Hồng K, sinh năm 1974 - *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn 5, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Anh Vũ Hồng C2, sinh năm 1977 - *Vắng mặt, không lý do.*

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn V, huyện X, tỉnh Hà Giang

- Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1978 - *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Kho K28 Cục kỹ thuật Quân khu 2;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Đức C3- Chức vụ: Chính trị viên kho; Đơn vị: Kho K28, Cục Kỹ thuật Quân khu 2.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn T2 - Chức vụ Phó chủ nhiệm kho; Đơn vị: Kho K28, Cục kỹ thuật Quân khu 2 - *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- UBND xã M, huyện Y

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Văn H1 - Chủ tịch UBND xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang - *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- UBND huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu P- Chủ tịch UBND huyện Y.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Văn H1 - Chủ tịch UBND xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (theo giấy ủy quyền số 30 ngày 09/11/2021) - *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty Đ Tuyên Quang và Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện của ông Vũ Đức V, bản tự khai và biên bản hoà giải của người đại diện theo ủy quyền anh Vũ Hồng K trình bày:*

Gia đình ông được giao đất thổ cư làm nhà ở tại xóm L2 nay là Thôn L, xã M, theo biên bản giao đất ngày 01/9/1992 của Ủy ban nhân dân xã M đất thuộc tờ bản đồ số 20 thửa 255 diện tích 480m², chiều dài 40 m tiếp giáp với đường bê tông vào trạm Y tế xã cũ, chiều rộng 12m tiếp giáp với đường vào kho 814. Sau khi được cấp đền bù đất do điều kiện kinh tế khó khăn nên gia đình ông V không có tiền để làm nhà vì vậy, gia đình ông V chuyển về thôn C xã M, chung sống cùng bố mẹ đẻ của ông V. Gia đình ông V canh tác trên đất một thời gian, sau đó để đất trống vì vợ chồng ông V già yếu và các con đi làm ăn xa nên không có người làm.

Khi Công ty Đ Tuyên Quang xây dựng trạm biến áp trên một phần thửa đất số 255 gia đình ông V không biết, khi trạm xây dựng xong ông đi qua mới biết, ông có đến Ủy ban nhân dân xã gặp ông Bùi Quang H2 khi đó ông H2 là Chủ tịch xã có ý kiến đề nghị nhiều lần nhưng không được giải quyết. Con trai ông là Vũ Hồng K vào năm 2010 cũng gặp ông Bùi Quang H2 có ý kiến đề nghị xã giải quyết nhưng được trả lời là xã không can thiệp được. Trong thời gian gia đình ông V để đất trống chưa xây dựng thì Anh Nguyễn Văn T1 tự ý lấn chiếm đất xây nhà tạm để bán hàng, khi gia đình ông V đến đo kiểm tra lại đất thì bị gia đình ông T1 ngăn cản. Năm 2020 gia đình ông V tiếp tục làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã M và Ủy ban nhân dân huyện Y giải quyết tranh chấp. Ngày 21/10/2020 Ủy ban nhân dân xã M đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả hoà giải không thành.

Do vậy ông V làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết.

Yêu cầu Công ty Đ Tuyên Quang di chuyển trạm biến áp S=320KVA-35/0,4 KV, cột 7/371-A40 ra khỏi khuôn viên đất của gia đình ông.

Yêu cầu ông T1 tháo dỡ các công trình di chuyển ra khỏi thửa đất của gia đình ông.

** Tại biên bản tự khai và biên bản hoà giải ông Nguyễn Trí D là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ Tuyên Quang trình bày:* Công ty Đ Tuyên Quang là doanh nghiệp nhà nước, chức năng, nhiệm vụ: Quản lý vận hành, cung cấp điện đến cấp điện áp 110kV đáp ứng nhu cầu cung ứng đủ điện cho phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, chính trị, an ninh Quốc phòng trên địa bàn tỉnh Tuyên

Quang. Vì vậy Công ty luôn tuân thủ luật pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty không tranh chấp đất đai với bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Công ty Đ Tuyên Quang xin đưa ra các cơ sở pháp lý về sự tồn tại của các Công trình Điện có liên quan đến các vị trí TBA và cột điện mà ông Vũ Hồng K cho rằng đất đai thuộc sở hữu của bố ông là ông Vũ Đức V.

Cơ sở pháp lý thứ nhất: Đường dây 35 KV và TBA 35/0,4 kho K814 - Quân khu II (trong đó có vị trí Cột 7/371-A40 trong đơn kiện).

- Năm 1994-1995 Quân khu 2 là Chủ đầu tư công trình: Xây dựng đường điện kho K814 - cục kỹ thuật - Quân khu 2 phục vụ nhiệm vụ Quân sự quốc phòng. Tại thời điểm xây dựng công trình, Quân khu 2 đã thành lập Ban quản lý công trình điện do đồng chí cục trưởng cục kỹ thuật QK2 là trưởng ban và triển khai thực hiện các bước đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định. Công trình được nghiệm thu và đưa vào sử dụng năm 1995 và được giao cho đơn vị K814 quản lý, vận hành, sử dụng phục vụ nhiệm vụ Quân sự quốc phòng. Đến ngày 25/12/2008 Công ty Đ Tuyên Quang tiếp nhận bàn giao lưới điện Đường dây 35 KV và TBA 35/0,4 kho K814 từ cụm kho CK28-Quân khu 2. Theo Công văn số 373/TTG-CN ngày 27/03/2007 của Thủ tướng chính phủ, về việc bàn giao lưới điện của các đơn vị Bộ quốc phòng cho Tập đoàn điện lực Việt Nam. Thông tư liên tịch số 160/2007/TTLT/BTC-BQP-BCT ngày 31/12/2007 của Liên Bộ: Tài chính; Quốc phòng; Công thương về việc hướng dẫn giao nhận và hoàn trả vốn đầu tư lưới điện các đơn vị Quân đội cho ngành Điện quản lý.

Như vậy, cho đến ngày bàn giao (25/12/2008) đơn vị K814 đã quản lý vận hành và sử dụng đường dây 35 KV và TBA 35/0,4 kho K814 ổn định trong 13 năm không có tranh chấp. Trong tài liệu khi bàn giao tại văn bản số 113/BC ngày 25 tháng 09 năm 1996 “ Báo cáo đề nghị bồi thường thiệt hại về hoa màu cây cối - đất đai xây dựng đường điện và hành lang bảo vệ đường điện” “Bảng quyết toán Công trình điện kho K814 – Quân khu 2” trong đó có bảng kê ghi rõ chi tiết về số lượng, đơn giá đền bù cây cối hoa màu, đất, của 32 hộ dân với số tiền đền bù đúng như bảng quyết toán với tổng số tiền 19.087.500 VNĐ trong đó Stt 32 là hộ ông Vũ Đức V 480m² đất *11.000 = 5.280.000 VNĐ văn bản được Chủ nhiệm kho K814 thiếu tá Đào Văn Đ ký trình thủ trưởng đại diện bên A thượng tá Đinh Ngọc M ký duyệt, đóng dấu.

Tại thời điểm bàn giao (25/12/2008) đơn vị K814 đã bàn giao cho Công ty Đ Tuyên Quang. Đường dây 35 KV và TBA 35/0,4 kho K814 kèm theo toàn bộ diện tích đất được tỉnh cấp, hành lang tuyến điện 35 kV, diện tích đất mà chủ đầu tư K814- cục kỹ thuật-Quân khu 2 đã đền bù cho dân.

Từ năm 1995 đến năm 2020 Đường dây 35 KV và TBA 35/0,4 kho K814 đã được đơn vị K814 sau 2008 là Công ty Đ Tuyên Quang quản lý vận hành ổn định không tranh chấp 25 năm cung cấp điện cho mục đích Quân sự, quốc phòng.

Cơ sở pháp lý thứ hai: Công trình cải tạo chống quá tải lưới điện hạ thế khu nhà máy chè xã M (trong đó TBA UB Mỹ Bằng S=320 KVA 35/ 0,4 kV).

Năm 2001, trước nhu cầu cung cấp điện phục vụ cho phát triển Kinh tế, Văn hóa xã hội, Chính trị, cho địa phương. Cấp điện phục vụ mục đích sinh hoạt cho

nhân dân các Dân tộc khu vực xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Điện lực Tuyên Quang nay là Công ty Đ Tuyên Quang báo cáo Công ty điện lực I (nay là Tổng công ty Điện lực Miền bắc) xin chủ trương đầu tư công trình cải tạo, chống quá tải lưới điện hạ thế khu nhà máy chè xã M, huyện Y và đã được Công ty điện lực I chấp thuận, phê duyệt đầu tư năm 2002. Tại thời điểm xây dựng công trình, Điện lực Tuyên Quang đã triển khai thực hiện các bước đầu tư, xây dựng công trình theo đúng quy định tại thời điểm. Tại quyết định số 371/202 QĐ-UB ngày 07/07/2002 của UBND tỉnh Tuyên Quang Về việc thu hồi và giao đất xây dựng công trình cải tạo chống quá tải lưới điện hạ thế khu nhà máy chè, xã M huyện Y tại khoản 1; 2; Điều I ghi rõ “Thu hồi diện tích 277,0 m² đất do các hộ gia đình (có danh sách kèm theo). Công ty chè M, Trường phổ thông trung học cơ sở M và UBND xã M đang quản lý sử dụng trên địa bàn xã M huyện Y để chuyển sang sử dụng vào mục đích dựng Công trình công cộng .

Trong đó: - Đất nông nghiệp: 187,0 m²

- Đất khu dân cư: 44,0 m²

- Đất chuyên dùng: 46,0 m²

“Giao diện tích 277,0 m² đất thu hồi trên cho Điện lực Tuyên Quang Quản lý để xây dựng Công trình: Cải tạo, chống quá tải lưới điện hạ thế khu nhà máy chè xã M, huyện Y theo thiết kế được duyệt bao gồm 149 cột điện và 02 Trạm biến áp (Trong đó có TBA Ủy ban Mỹ Bằng S=320 KVA 35/ 0,4kV)”.

Như vậy, 2 Công trình điện do Quân khu 2 xây dựng năm 1994, và Điện lực Tuyên Quang xây dựng năm 2002, đều đầy đủ thủ tục thu hồi đất, cấp đất, thủ tục giải phóng mặt bằng theo đúng quy định tại thời điểm xây dựng, công trình đã được các cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận, phê duyệt và được đầu tư xây dựng xong và đưa vào sử dụng ổn định, không có tranh chấp tính đến năm 2020 là 25 năm. Toàn bộ số đất được giao, hành lang tuyến điện 35kV, số đất mà K814- Cục kỹ thuật- Quân khu 2 đã đền bù cho dân đã bàn giao cho Công ty Đ Tuyên Quang là thuộc quyền quản lý của Công ty Đ Tuyên Quang. Việc ông Vũ Hồng K cuối năm 2020 khởi kiện cho rằng diện tích đất TBA UB Mỹ Bằng. S=320kVA - 35/0,4kV. Cột 7/371-A40 cấp điện cho K814 là của Ông Vũ Đức V là không có cơ sở.

Trong đơn ông V cho rằng chưa nhận được tiền đền bù nhưng tại tài liệu quyết toán lưu trữ và bản quyết toán công trình điện Kho 814 quân khu 2 thì đã thể hiện có quyết toán giá trị đền bù đó là 19.087.500đ. Do vậy đề nghị làm rõ với kho K814 cục Kỹ thuật Quân Khu 2 về việc đền bù cho gia đình ông V.

* *Tại văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày:* Nguồn gốc đất tại tờ bản đồ số 20, thửa số 255, tại Thôn L, xã M là của bố mẹ vợ anh để lại ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị T3, hiện nay bà T3 đã chết, ông A sinh sống tại Thôn L, xã M, đây là đất ông bà canh tác trồng cây hoa màu từ những năm 1997, 1998, trên diện tích đất có trạm biến áp của Công ty điện lực và đường dây 35 của kho KV28 đi qua diện tích đất trên. Diện tích đất của ông Vũ Đức V được UBND xã M giao cho nhưng không thể hiện số thửa, tờ bản đồ, chỉ thể hiện diện tích 480m² nhưng không có sơ đồ kèm theo,

không có gì căn cứ chứng minh số diện tích đất trên là chính xác. Ngoài ra căn cứ theo danh sách bồi thường của kho K814, nay là kho K28, cơ quan được chấp thuận kéo đường dây điện 35 cho các hộ dân có đất bị thu hồi thì có gia đình ông Vũ Đức V số thứ tự số 32 diện tích thu hồi là 450m². Năm 2002, UBND tỉnh có Quyết định số 371/2002/QĐ-UB ngày 07/7/2002 về việc thu hồi và giao đất xây dựng công trình cải tạo chống quá tải lưới điện hạ thế khu Nhà máy Chè, xã M, huyện Y trong danh sách kèm theo không có hộ ông Vũ Đức V. Vì hộ ông V đã bị thu hồi đền bù rồi, vì vậy danh sách thu hồi đền bù năm 2002 của UBND tỉnh Tuyên Quang không có hộ ông V thuộc diện đền bù, thu hồi nữa. Diện tích đất trên của ông V đã được nhà nước thu hồi cụ thể là kho K814 nay là K28 lập danh sách thu hồi đền bù. Như vậy việc ông V khởi kiện anh tranh chấp quyền sử dụng đất là không có căn cứ vì đất nhà nước đã thu hồi, trên đất thuộc hành lang đường điện 35KW của K814(nay là K28) và đặt trạm biến áp của Công ty Đ Tuyên Quang. Nên ông xác định diện tích đất ông V tranh chấp trước đây là đã được đền bù, đến năm 1997 và năm 1998 gia đình anh mới khai phá tận dụng hành lang để làm mái để xe có diện tích khoảng 405m² thuộc thửa 255, tờ bản đồ số 20, còn phần đất làm quán gia đình anh không thuộc phần đất có tranh chấp nên anh cho rằng gia đình ông V có nguồn gốc đất đang tranh chấp đã được đền bù thì không còn đất để tranh chấp nữa, anh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông V. Anh xác định tài liệu nguyên đơn cung cấp biên bản giao đất anh không có ý kiến gì, giấy đó là hợp pháp nhưng diện tích đất mà gia đình ông K được giao thì đã được thu hồi nay không còn nữa, giấy biên bản giao đất không có giá trị. Do vậy anh không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông K.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại bản tự khai đại diện UBND xã M và UBND huyện Y trình bày:* Thửa đất của ông Vũ Đình V được UBND xã M giao ngày 01/09/1992 với tổng diện tích giao là 480m²; Đến năm 1995 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0388449 thuộc tờ bản đồ số 20, thửa 255, diện tích 405m² loại đất ở, chủ sử dụng đất là ông Vũ Đình V. Năm 2002, UBND tỉnh Tuyên Quang có Quyết định số 371/2002/QĐ-UB ngày 07/7/2002 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi và giao đất xây dựng công trình cải tạo chống quá tải lưới điện hạ thế khu nhà máy chè, xã M, huyện Y. Tháng 4/2012 Anh Nguyễn Văn T1; Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (là hộ nghèo năm 2012) có đơn đề nghị gửi UBND xã M xin diện tích đất gần trạm biến áp thuộc Thôn L để canh tác thoát nghèo. Sau khi xem xét đơn của Anh Nguyễn Văn T1 trình bày, UBND xã chấp thuận và xác nhận diện tích đất giao cho ông T1 thuộc tờ bản đồ số 20, thửa 255 đất ở hiện trạng sử dụng vào mục đích làm trạm biến áp điện (theo như xác nhận thì diện tích đất đó đã đền bù cho ông Vũ Đức V; thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang).

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Kho K28 Cục kỹ thuật Quân khu 2 ông Đặng Quốc B1 trình bày tại biên bản hòa giải:* Đơn vị Kho K20 không có tài liệu chứng cứ gì nộp cho tòa án. Trạm điện 35KV được nêu trong đơn của ông Vũ Đức V là trạm điện cao thế được xây dựng trên đất của địa phương (Thôn L, xã

M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang) từ năm 1994, đến tháng 12/1995 hoàn thành, được Điện Lực Tuyên Quang đưa vào sử dụng, phục vụ xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Trước năm 2006, có 02 đơn vị đóng quân trên địa bàn huyện Y là kho K20 đóng quân trên địa bàn thôn B, xã M và Kho K814 đóng quân trên địa bàn thôn Đ, xã N. Tháng 12/1995 các kho K20, Kho K814 hợp đồng mua điện của Điện lực Tuyên Quang tại các trạm biến thế được đặt trong đất Quốc Phòng của 02 đơn vị do Điện Lực Tuyên Quang xây dựng. Ngày 04/11/2005 Bộ quốc phòng ban hành Quyết định số 179/2005/QĐ-BQP, thành lập Kho K28 trên cơ sở sáp nhập Kho K814 và Kho K20. Đến tháng 4/2006, kho K28 chính thức đi vào hoạt động; trong thời gian từ tháng 4/2006 đến tháng 11/2009 sau khi được địa phương giao đất và hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng, chỉ huy và cơ quan kho K28 chuyển ra vị trí đóng quân tại Thôn L, xã M và hợp đồng mua điện của Điện lực Tuyên Quang tại trạm biến thế 35KV nêu trong đơn của ông Vũ Đức V không nằm trong quốc phòng của đơn vị. Vì vậy, quá trình thi công, đền bù, giải tỏa, xây dựng trạm biến thế 35KV tại Thôn L, xã M trong thời gian từ năm 1994 đến năm 1995 là việc của địa phương và Điện lực Tuyên Quang. Do vậy Kho K20, Kho K814 không có trách nhiệm đền bù và không ban hành các văn bản, thông báo về việc đền bù, hỗ trợ cho các gia đình ông Vũ Đức V.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thu H trình bày tại bản tự khai:* Nguồn gốc đất tại tờ bản đồ số 20, thửa số 255, tại Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là của bố mẹ chị để lại cho vợ chồng chị, đây là đất ông bà canh tác trồng cây, hoa màu từ những năm 1997, 1998, trên diện tích đất có trạm biến áp của Công ty điện lực và có đường dây 35 của Kho K814 nay là kho K28 đi qua diện tích đất trên. Năm 2012 gia đình chị thuộc diện hộ nghèo của Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, chồng chị là anh Nguyễn Văn T1 có làm đơn đề nghị ngày 10/4/2012 xin sử dụng diện tích đất do UBND xã quản lý, UBND xã đã đồng ý cho gia đình chị sử dụng diện tích đất trên như trong đơn đề nghị để sản xuất thoát nghèo, gia đình chị đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Diện tích đất của ông Vũ Đức V giao cho nhưng không thể hiện số thửa, tờ bản đồ chỉ thể hiện diện tích 480m² nhưng không có sơ đồ kèm theo, không có căn cứ gì chứng minh diện tích đất trên là chính xác. Ngoài ra căn cứ theo danh sách bồi thường của Kho 814 nay là K28 cơ quan được chấp thuận kéo đường dây điện 35KV cho các hộ dân có đất bị thu hồi thì có gia đình ông Vũ Đức V số thứ tự 32 diện tích thu hồi là 450m². Năm 2002, UBND tỉnh có Quyết định số 371/2012/QSS-UB ngày 07/7/2002 về việc thu hồi và giao đất xây dựng công trình cải tạo chống quá tải lưới điện hạ thế khu Nhà máy Chè, xã M, huyện Y trong danh sách kèm theo không có hộ ông Vũ Đức V. Vì hộ ông V đã bị thu hồi đền bù rồi, vì vậy danh sách thu hồi đền bù năm 2002 của UBND tỉnh Tuyên Quang không có hộ ông V thuộc diện đền bù, thu hồi nữa. Diện tích đất trên của ông V đã được nhà nước thu hồi cụ thể là kho K814 nay là K28 lập danh sách thu hồi đền bù. Như vậy việc ông V khởi kiện chồng chị về việc tranh chấp quyền sử

dụng đất là không có căn cứ vì đất nhà nước đã thu hồi, trên đất thuộc hành lang đường điện 35KV của K814 nay là K28 và đặt trạm biến áp của Công ty Đ Tuyên Quang. Việc chưa nhận được đền bù vì thu hồi đất thì ông V phải làm đơn khởi kiện hành chính đối với quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh Tuyên Quang đã giao cho đơn vị kho K814 (nay là K28) và Công ty Đ Tuyên Quang.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại bản tự khai bà Vũ Thị V1, anh Vũ Hồng K, anh Vũ Hồng C2, chị Vũ Thị C1, chị Vũ Thị Q đều trình bày:* Gia đình được giao đất thô cư làm nhà ở theo biên bản giao đất ngày 01/9/1992 của Ủy ban nhân dân xã M thuộc tờ bản đồ số 20 thửa 255 diện tích 480m², chiều dài 40 m tiếp giáp với đường bê tông vào trạm Y tế xã cũ, chiều rộng 12m tiếp giáp với đường vào kho 814. Sau khi được giao đất do điều kiện kinh tế khó khăn chưa có điều kiện làm nhà ở, gia đình nuôi 04 con ăn học gia đình chuyển về ở cùng với bố ông ở thôn C, xã M, khi Công ty Đ Tuyên Quang xây dựng trạm biến áp trên thửa đất gia đình không biết, sau khi xây dựng xong gia đình đi qua mới biết, ông V có đến Ủy ban nhân dân xã gặp ông Bùi Quang H2 Chủ tịch xã ý kiến nhiều lần nhưng không được giải quyết, anh Vũ Hồng K vào năm 2010 cũng gặp ông Bùi Quang H2 ý kiến nhưng được trả lời là xã không can thiệp được, trong quá trình đó thì Anh Nguyễn Văn T1 không biết ai cho phép tự ý lấn chiếm làm nhà tạm để bán hàng. Ông V đã làm đơn kiến nghị lên Ủy ban nhân dân xã M và Ủy ban nhân dân huyện Y để giải quyết, Ủy ban nhân dân xã M đã triệu tập các bên có liên quan đến để hoà giải theo biên bản hoà giải ngày 21/10/2020 nhưng hoà giải không thành. Nay anh K, anh C2, chị Q, chị C1 xác định không có yêu cầu đòi hỏi gì, mảnh đất trên là do bố mẹ anh chị tạo dựng, vậy quyền lợi mảnh đất tranh chấp trên thuộc về bố mẹ anh chị quyết định. Bà V do tuổi cao sức yếu đi lại khó khăn ủy quyền cho anh Vũ Hồng K toàn quyền thay bà giải quyết các tranh chấp tại Tòa án. Chị Q, chị C1, anh C2 có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS - ST, ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điều 39, điều 147, điều 227, điều 228 điều 271, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158; 165; 166; 579 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đức V (Vũ Đình V).

Xử: Buộc Công ty Đ Tuyên Quang phải di dời Trạm biến áp UBND xã M 35/0,4 KV, dung lượng 320KV để trả lại 75,6m² đất ở thuộc thửa đất 255, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0388449 mang tên ông Vũ Đình V cho ông Vũ Đức V (Vũ Đình V) trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; diện tích đất có tứ cận tại các điểm 1,2,15,14,1.

Buộc anh Nguyễn Văn T1 phải tháo dỡ gồm hàng rào xây gạch (cao 1,67m; dài 23,13m); Hàng rào xây gạch (cao 1,25m; dài 8,64m); Hàng rào sắt vuông (cao 1,85m; dài 9,47m); Sân bê tông không có mái che (rộng 12,33m; dài 9,5m; dày 15cm); Đường vào quán ăn (dài 4m; rộng 3,15m; dày 5cm); Sân bê tông cạnh đường giao thông (dài 10,8; rộng 5,0m; dày 15cm); Tường chắn đất, đoạn có trát (cao 0,36m; dài 3,85m); Tường chắn đất, đoạn không trát (cao 0,35m; dài 15,9m); Biển quảng cáo (dài 3m; cao 1,57m; rộng 0,165m); Sân bê tông có mái che (rộng 6,95m; dài 12,4m; dày 10cm; phần tăng thêm: 6,64m²); Phần mái tre (rộng 15,1m; dài 7,35m, phần giảm trừ 6,265m²); Giếng khoan D90, sâu 40m, 01 máy bơm nước; 02 bộ chậu rửa tại trước cửa quán để trả lại 329,4m² đất ở thuộc thửa đất 255, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0388449 mang tên ông Vũ Đình V cho ông Vũ Đức V (Vũ Đình V) trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; diện tích đất có tứ cận tại các điểm 1,2,3,4,5,12,13,14,1.

(Có sơ đồ mảnh trích đo hiện trạng kèm theo).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Đ Tuyên Quang di chuyển cột điện 7/371-A40 ra khỏi thửa đất số 255, tờ bản đồ 20, Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Đ Tuyên Quang và anh Nguyễn Văn T1 mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch của vụ án là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Công ty Đ Tuyên Quang phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí đo đạc thẩm định và định giá tài sản là 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Buộc Công ty Đ Tuyên Quang phải trả cho anh Vũ Hồng K số tiền là 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Văn T1 phải trả cho anh Vũ Hồng K số tiền là 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Khoản tiền phải trả, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/12/2022, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của các bị đơn:

+ Công ty Đ Tuyên Quang: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 94/2022/DS-ST, ngày 05/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, Công ty điện lực không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm với các lý do:

Thứ nhất: Việc xây dựng đường dây 35KV và TBA35/0,4KV cấp điện cho K814 phục vụ an ninh quốc phòng, việc xây dựng công trình đã được UBND tỉnh ban hành quyết định 365/QĐ-UB ngày 21/6/1995 kèm theo bản đồ thu hồi tỉ lệ 1/5000. Việc xây dựng công trình cải tạo chống quá tải lưới điện hạ thế khu vực nhà máy chè xã M được UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành quyết định 371/QĐ-UB ngày 07/7/2002, việc đền bù là của UBND huyện Y, công ty điện lực không có tranh chấp với ông Vũ Đức V. Ông V cho rằng chưa nhận tiền bồi thường thì hành vi của K814 là hành vi hành chính, ông V có quyền khởi kiện vụ án hành chính. Năm 2010 không khiếu nại mà năm 2020 mới khởi kiện là thuộc trường hợp không có quyền khởi kiện bởi Nhà nước không thể là một bên chủ thể bị kiện.

Thứ hai: Biên bản giao đất ngày 01/9/1992 của UBND xã M cho ông V là trái quy định của pháp luật.

Thứ ba: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông V không đúng quy định của pháp luật.

Thứ tư: Diện tích đất tranh chấp đã bị cơ quan nhà nước (Kho 814 thực hiện thủ tục giải phóng mặt bằng và đã thực hiện đền bù ông V đã nhận tiền đền bù).

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y; đề nghị Tòa án xác minh, làm rõ khi đủ cơ sở yêu cầu UBND xã M ra quyết định hủy hoặc thu hồi “Biên bản giao đất” ngày 01/9/1992; UBND huyện Y ra quyết định hủy hoặc thu hồi quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 255 mang tên ông Vũ Đình V.

Thứ năm: Trạm biến áp được thu hồi và xây dựng theo quyết định 371/QĐ-UB ngày 07/7/2002 của UBND tỉnh Tuyên Quang và nằm trên hành lang đường bộ đúng quy định của pháp luật.

+ Anh Nguyễn Văn T1: Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 94/2022/DS-ST, ngày 05/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y với các lý do:

Thứ nhất: Có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, ông V không có quyền khởi kiện vụ án dân sự để tranh chấp quyền sử dụng đất với cơ quan nhà nước.

Thứ hai: Biên bản giao đất ngày 01/9/1992 trái quy định của pháp luật về đất đai.

Thứ ba: Có căn cứ chứng minh ông V đã nhận tiền đền bù.

Thứ tư: Gia đình tôi có đơn xin mượn đất để sản xuất thoát nghèo, có xác nhận của UBND xã M. Do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên vô hiệu giấy cấp đất cho ông V do UBND xã cấp, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lưu Hồ L trình bày: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, kết quả tranh tụng tại phiên tòa thể hiện quá trình xây dựng trạm biến áp UBND xã M bị đơn là Công ty Đ Tuyên Quang đã không thực hiện đúng quyết định số 371/QĐ-UB ngày 07/07/2002 của UBND tỉnh Tuyên Quang, xây dựng trạm biến áp trên thửa đất số 255 tờ bản đồ 20 của gia đình ông Vũ Đình V đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1995 mà không thu hồi, không thực hiện việc bồi thường cho gia đình ông Vũ Đình V, vị trí xây dựng trạm biến áp không đúng vị trí đã được phê duyệt tại quyết định 371/QĐ-UB ngày 07/07/2002. Đối với bị đơn Nguyễn Văn T1 sử dụng đất từ năm 2012 khi có giấy mượn đất để canh tác được UBND xã xác nhận, ngoài ra không có tài liệu nào chứng minh quyền sử dụng đất, do đó Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn Công ty Đ Tuyên Quang trình bày: Về nguồn gốc diện tích đất của ông V, ông V xuất trình biên bản giao đất ngày 01/9/1992, nhưng biên bản này cả về thể thức, nội dung đều không đúng quy định của luật đất đai, UBND xã không có thẩm quyền giao đất. Công ty Đ Tuyên Quang là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, Công ty Đ Tuyên Quang không có tranh chấp với ông V, không thể là bị đơn trong vụ án này. Các bản đồ thu thập trong quá trình điều tra vụ án thể hiện bản đồ lưu tại UBND xã thì có tên ông V thửa số 255 tờ bản đồ 20, nhưng các bản đồ thu hồi kèm theo các quyết định 365, và quyết định 371 thì lại không có tên ông V, đề nghị HĐXX làm rõ bản đồ nào là bản chính xác. Biên bản giao đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V được cấp không đúng quy định của luật đất đai và các văn bản hướng dẫn của tổng cục địa chính, sở địa chính tỉnh Tuyên Quang, như đơn xin cấp đất ghi nghề nghiệp của ông V là làm ruộng là không đúng, đơn không phải chữ ký của ông V, trình tự thủ tục cấp đất không đúng, quyết định phê duyệt hội đồng xét duyệt và quyết định cấp đất cùng 1 ngày, tờ trình cấp giấy chứng nhận của UBND xã không có chữ ký; Bản án sơ thẩm áp dụng quy định về hành lang an toàn giao thông đường bộ là không đúng quy định của luật; Việc ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái pháp luật, khi xây dựng đường dây 35KV K814 đã thực hiện đền bù cho ông Vũ Đình V, việc đền bù được thể hiện thông qua các biên bản họp, báo cáo số 113, lời khai của những người trực tiếp chi trả tiền cho ông V, và thông qua việc sau nhiều năm xây dựng đi vào hoạt động ông V không có ý kiến và khiếu nại gì. Do vậy Tòa án sơ thẩm xét xử là trái quy định, đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình V.

Bị đơn Nguyễn Văn T1 và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Anh Nguyễn Văn T1 – Luật sư Đàm Quốc C trình bày:

Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì Công ty Đ Tuyên Quang là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, do vậy không thể là một bên trong quan hệ dân sự với người dân, nên không thể xác định là bị đơn trong vụ án dân sự; trong trường hợp chưa có quyết định thu hồi, hoặc có quyết định thu hồi nhưng chưa bồi thường thì ông V có quyền khởi kiện vụ án hành chính về việc này và năm 2010 biết nhưng không khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện đến nay đã hết; Bản án sơ thẩm xác định sai tư cách tố tụng của ông T1, ông T1 là người mượn đất của UBND xã M, nếu cho rằng đất của ông V mà UBND xã cho mượn đất của ông V thì phải khởi kiện UBND xã và ông T1 chỉ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chứ không phải là bị đơn trong vụ án. Tài sản hình thành trên diện tích đất có tranh chấp của vợ chồng ông T1 tuy nhiên bản án sơ thẩm chỉ tuyên một mình ông T1 có nghĩa vụ di dời là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không thể thi hành án. Việc bản án sơ thẩm tuyên buộc di dời trạm biến áp là không thể thi hành được. Với các chứng cứ thu thập được đủ căn cứ chứng minh diện tích đất của ông T1 đã được thu hồi, đã được K814 bồi thường, và trở thành đất do UBND xã quản lý, ông T1 mượn đất do UBND xã quản lý, không phải là lấn chiếm của ông T1. Đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn T1, tuyên hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của các bị đơn Công ty Đ Tuyên Quang và Anh Nguyễn Văn T1 là hợp lệ, trong hạn luật định, các đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí đầy đủ, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST, ngày 05/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Bản án sơ thẩm không T1 buộc chị Nguyễn Thu H là vợ anh T1 cùng có nghĩa vụ di dời tài sản là có thiếu sót, chị H đã được tham gia tố tụng, đã có lời khai, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đồng thời không kháng cáo do vậy đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm bổ sung nội dung này cho phù hợp.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty Điện lực và Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Anh Nguyễn Văn T1 và Công ty Đ Tuyên Quang là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V, Vũ Thị Q, Vũ Thị C1, Vũ Hồng K, Vũ Hồng C2, Nguyễn Thu H, đại diện K28 cục kỹ thuật Quân khu 2, đại diện UBND xã M, đại diện theo ủy quyền UBND huyện Y vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung kháng cáo của các bị đơn Anh Nguyễn Văn T1, Công ty Đ Tuyên Quang, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất có tranh chấp và tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0388449:

Tại biên bản xác minh ngày 21/02/2022 cán bộ địa chính xã M cung cấp: Đối với diện tích 480m² của ông Vũ Đình V theo biên bản giao đất thổ cư ngày 01/9/1992 nhưng theo sổ địa chính năm 1995 thửa đất 255 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vũ Đình V diện tích là 405m², căn cứ để xác định diện tích là theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Vũ Đình V 405m², địa danh thửa đất xóm L2 (nay là Thôn L), xã M, tờ bản đồ số 20, thửa đất 255, theo sổ địa chính tại địa phương vẫn thể hiện chủ sử dụng diện tích đất 405m² mang tên Vũ Đình V, không có sự thay đổi thông tin gì, không có quyết định thu hồi đối với diện tích đất trên.

Tại Công văn số 1224/UBND-TNMT ngày 02/6/2022 phúc đáp về thủ tục và căn cứ pháp lý cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0388449 đã được cấp cho ông Vũ Đình V, UBND huyện Y thể hiện: Thực hiện luật đất đai ngày 14/7/1993, Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Quyết định số 201 – QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất về việc ban hành quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Tổng cục trưởng tổng cục quản lý ruộng đất; Văn bản số 1427 - CV/ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng cục địa chính hướng dẫn xử lý một số vấn đề cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ hướng dẫn số 110/HD-ĐĐBĐ ngày 20/5/1994 của Ban quản lý ruộng đất tỉnh Tuyên Quang (nay là Sở Tài nguyên môi trường) hướng dẫn trình tự triển khai việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các hộ gia đình cá nhân trên địa bàn

huyện Y nói chung và trên địa bàn xã M nói riêng đồng loạt làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất, trong đó có hộ ông Vũ Đình V. Ông Vũ Đình V làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất gồm 01 thửa (thửa 255, tờ bản đồ số 20, diện tích 405,0m²) được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã M xét duyệt với nội dung: *“Nhất trí đề nghị trên xét cấp quyền sử dụng đất”*. Căn cứ vào hồ sơ và kết quả xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã M, ngày 02/12/1995 UBND xã M đã trình UBND huyện cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân trong đó có hộ ông Vũ Đình V. Như vậy, về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận cho ông Vũ Đình V, UBND huyện đã cấp là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Ngày 26/7/1996 UBND huyện đã kết thúc công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bàn giao 1.493 giấy chứng nhận được UBND huyện cấp tại Quyết định số 394/QĐ-UB ngày 26/12/1995 cho UBND xã M để giao cho hộ gia đình, cá nhân.

Tại mục III biên bản làm việc ngày 19/9/2022 kèm theo công văn số 1681/STNMT-QLĐĐ ngày 23/9/2022 của Sở tài nguyên và môi trường đã đánh giá và kết luận: *“Thửa đất số 255 tờ bản đồ số 20 xã M đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Đình V năm 1995, theo tài liệu báo cáo ngày 25/9/1996 của Cục kỹ thuật kho K814 về đề nghị bồi thường thiệt hại hoa màu, cây cối đất đai xây dựng đường điện và hành lang bảo vệ đường điện, tại danh sách kèm theo có tên ông Vũ Đức V diện tích 480m² loại đất thổ cư, giá đề nghị 11.000đ, thành tiền 5.280.000đ”*.

Mặt khác tại báo cáo số 113/BC ngày 25/9/1996; biên bản giải quyết đất thổ cư có đường điện 35KW đi qua của UBND xã M và K814 ngày 25/9/1996 giữa UBND xã M và K814 đều có tên ông Vũ Đình V, và đều nhằm mục đích thỏa thuận bồi thường cho ông Vũ Đình V như vậy các văn bản này UBND xã M, K814 đã là các tài liệu sự thừa nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Vũ Đình V tại thời điểm xây dựng đường dây 35KV đi vào K814.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đại diện UBND huyện và cơ quan chuyên môn là Sở Tài nguyên và môi trường xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0388449 là hợp pháp, các đồng bị đơn đều không có yêu cầu độc lập, yêu cầu phản tố về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xem xét tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Vũ Đình V là phù hợp.

[2.2] Về trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường để xây dựng đường dây 35KV cho đơn vị kho 814:

Để thực hiện việc xây dựng đường dây 35KV cung cấp điện lưới cho Kho 814 thuộc cục Kỹ thuật Quân khu 2, ngày 02/3/1995 Kho 814 cục Kỹ thuật Quân khu 2 có công văn số 24/KH gửi UBND xã A, UBND xã M, Ban Giám đốc nông trường tháng 10, Sở địa chính tỉnh Tuyên Quang, UBND tỉnh Tuyên Quang với nội dung *“xin cấp đất dựng cột điện theo nghị định 70 là 56 cột x 2m² = 112m². Đơn vị K814 làm công văn xin cấp tổng số đất cụ thể:*

Đất hành lang bảo vệ: $30.414m^2$

Đất dựng cột : $112m^2$

Tổng cộng bằng : $30.526m^2$

Ngày 16/5/1995 Sở địa chính tỉnh Tuyên Quang có tờ trình số: 120/DC gửi UBND tỉnh Tuyên Quang về việc “giao đất xây dựng đường điện 35KV cho đơn vị K814” với nội dung: “...- Diện tích đất xin giao để xây dựng móng cột là $56 \text{ cột} \times 2m^2 = 112m^2$ diện tích đất thuộc hành lang bảo vệ là $30.414m^2$ ”

UBND tỉnh Tuyên Quang đã ban hành quyết định số 365/QĐ-UB ngày 21/6/1995, tại điều 1 của quyết định 365 thể hiện:

“+ Nay thu hồi $112m^2$ đất trong đó: Đất trồng lúa $66m^2$; đất trồng chè $26m^2$; đất màu $20m^2$ thuộc xã M, A và nông trường tháng 10 để giao cho đơn vị K814 sử dụng vào xây dựng đường điện 35KW (Có sơ đồ giao đất theo thiết kế xây dựng đường điện tỉ lệ 1/5000 kèm theo)”.

“+ Diện tích $30.412m^2$ đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường điện không giao, nhưng người sử dụng đất phải chấp hành quy định của nhà nước về bảo vệ đường điện. K814 có trách nhiệm quản lý an toàn đường điện theo đúng quy định hiện hành của nhà nước”.

Về việc đền bù điều 2 của Quyết định 365 thể hiện: “Kho 814 có trách nhiệm cùng các ngành chức năng và chính quyền cơ sở xây dựng phương án đền bù đầy đủ những thiệt hại trước khi nhận đất, sử dụng đúng mục đích, diện tích được giao”.

Như vậy, căn cứ công văn số 24/KH ngày 02/3/1995 của Kho 814, căn cứ tờ trình số 120/DC ngày 16/5/1995 của Sở địa chính tỉnh Tuyên Quang, UBND tỉnh Tuyên Quang đã ban hành quyết định 365/QĐ-UB ngày 21/6/1995 của UBND tỉnh Tuyên Quang chỉ thu hồi $112m^2$ đất để xây dựng 56 chân cột ($2m^2/\text{cột}$) phục vụ việc xây dựng đường điện, đối với diện tích $30.412m^2$ đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường điện thì không thu hồi, không giao cho đơn vị K814.

Bị đơn Công ty Đ Tuyên Quang cho rằng: Căn cứ báo cáo số 113 ngày 25/9/1996 và căn cứ báo cáo số 93/KT –XD ngày 21/01/1997 của phòng XD-QLND của Cục hậu cần Quân khu 2, bản quyết toán công trình điện K814, biên bản giải quyết đất thổ cư có đường điện 35KW đi qua của UBND xã M và K814 ngày 25/9/1996, trong đó xác định UBND xã và K814 đã thống nhất và bồi thường cho hộ ông Vũ Đình V, những người làm chứng là những người công tác tại K814 như ông Đào Văn B1, Trịnh Đình T4 xác định đã trực tiếp chi trả tiền cho ông Vũ Đình V.

Xét ý kiến của Công ty Đ Tuyên Quang, HĐXX thấy rằng: Tại Biên bản giải quyết đất thổ cư có đường điện 35KW đi qua do UBND xã M và K814 lập ngày 25/9/1996 (BL 310) thể hiện: “UBND xã và đơn vị K814 đã kiểm tra thực tế đất thổ cư của ông Vũ Đình V có diện tích $450m^2$ và thống nhất đền bù cho ông Vũ Đình V mức giá chung nhất đã quy định ở nghị định 87/CP với giá tiền là 3.519.000đ (Ba triệu năm trăm mười chín nghìn đồng)”; Tại báo cáo số 113/BC cùng ngày 25/9/1996 của Kho 814 thể hiện: “Qua khảo sát thực tế các loại cây

cối, hoa màu nằm trong hành lang đường điện. Đơn vị, địa phương và các gia đình đã thỏa thuận thống nhất bồi thường thiệt hại cụ thể: ...Đất thổ cư 450m²: 5.280.000đ...các hộ gia đình được bồi thường có danh sách kèm theo. Đơn vị báo cáo Thủ trưởng cục xem xét giải quyết”; Tại danh sách kèm theo báo cáo số 113 số thứ tự 32 thể hiện Vũ Đình V có số tiền bồi thường là 5.280.000đ.

Như vậy, các tài liệu do bị đơn xuất trình cùng ngày 25/9/1996 nhưng lại thể hiện số tiền đền bù cho hộ ông Vũ Đình V khác nhau, không trùng khớp nhau; Hơn nữa tại biên bản giải quyết lập ngày 25/9/1996 cũng như báo cáo số 113/BC ngày 25/9/1996 đều không thể hiện chữ ký, hoặc ý kiến đồng ý của ông Vũ Đình V, cũng không xuất trình được tài liệu nào khác thể hiện việc K814 đã thỏa thuận xong, đã chi trả tiền bồi thường cho ông Vũ Đình V, thể hiện việc ông V ký nhận tiền bồi thường như bị đơn đã trình bày.

Tại Công văn số 772/CKT-TMKH ngày 27/5/2022 Cục kỹ thuật Quân khu 2 và công văn 216 ngày 22/4/2022 của kho K28 có nội dung: Tại hồ sơ thiết kế, quyết toán và biên bản giao nhận lưới điện quân đội ngày 25/12/2008 giữa Cụm kho CK28 (bên giao) và điện lực Tuyên Quang (bên nhận) chỉ có nội dung về đường điện (đường dây, cột) kéo từ cột số 07 đến trạm biến áp cung cấp điện cho đơn vị là Trạm biến áp 180KVA - 35/0,4. Trạm biến áp này được xây dựng trên diện tích đất Quốc phòng thuộc phân kho K184. Không có hồ sơ đất, không có liên quan đến diện tích đất xây dựng Trạm biến áp xã M hiện đang có tranh chấp và không có quyền sử dụng đất để bàn giao đất đó cho Công ty Đ Tuyên Quang. Như vậy Cục kỹ thuật Quân khu 2 và Kho K28 cũng xác nhận chỉ bàn giao đường dây, cột điện và toàn bộ đất sử dụng để chôn cột điện thuộc dự án. Không có nội dung bàn giao diện tích đất thổ cư của gia đình ông V cho Công ty Điện lực.

Tại biên bản làm việc ngày 20/7/2022 (BL 274) Kho K28 Cục kỹ thuật quân khu 2 cho biết Quyết định 365/QĐ-UB ngày 21/6/1995 của UBND tỉnh Tuyên Quang thu hồi 112m² đất (trong đó 60m² đất trồng lúa, 20m² đất trồng chè, 20m² đất màu) không thể hiện đất thổ cư trong quyết định thu hồi, việc thu hồi 112m² đất theo công văn số 24 ngày 02/3/1995 thì 112m² đất để xây dựng 56 chân cột x 2m² /cột, hiện tại vị trí đất nhà ông V đang tranh chấp có 01 cột trong số 56 cột thu hồi đất để xây dựng theo quyết định thu hồi. Đối với trạm biến áp UBND xã M 35/0,4 KV, dung lượng 320KV do Công ty Đ Tuyên Quang đầu tư quản lý không liên quan đến đơn vị K28. Trạm biến áp 180KV – 35/0,4KV được xây dựng trên diện tích đất quốc phòng phân kho K814 quản lý, địa chỉ thôn Đ, xã N, huyện Y. Việc bồi thường 112m² đất để chôn 56 cột với diện tích 2m²/cột, hiện tại Kho K28 không tìm thấy tài liệu để cung cấp và chứng minh.

Đối với công văn số 1947/CKT- TMKH ngày 29/11/2022 của Cục kỹ thuật Quân khu 2 trả lời Công ty Đ Tuyên Quang, Tòa án sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại Cục kỹ thuật Quân khu 2. Tại biên bản xác minh ngày 30/11/2022 của Đại diện của Cục kỹ thuật Quân khu 2 xác nhận trên cơ sở biên bản làm việc ngày 25/9/1996 giữa UBND xã M và đại diện kho 814, Báo cáo số 113/BC ngày 25/9/1996 của kho K814 và theo sự suy diễn, ngoài ra không có văn bản nào khác. Với các căn cứ nêu trên Cục kỹ thuật trả lời “...số tiền ông Vũ Đức V được nhận

là 5.280.000đ...” là không đủ cơ sở khẳng định về việc gia đình ông V bị thu hồi thửa đất số 255 và đã nhận số tiền đền bù là 5.280.000đ.

[2.3] Về trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường để xây dựng Trạm biến áp 35KV

Quyết định số 371/QĐ-UB ngày 07/7/2002 của UBND tỉnh Tuyên Quang thu hồi và giao 277,0m² đất gồm (187m² đất nông nghiệp, 44m² đất khu dân cư, 46m² đất chuyên dùng) cho Điện lực Tuyên Quang quản lý để xây dựng công trình cải tạo chống quá tải lưới điện hạ thế khu nhà máy chè, xã M, huyện Y theo thiết kế được duyệt bao gồm 149 cột điện và hai trạm biến áp, trong đó trạm biến áp UBND xã M S = 320KVA 35/0,4kv.

Tại quyết định 371/QĐ-UB ngày 07/7/2002 đã quyết định:

“Điều 1: 1.

+ Thu hồi 277,0m² có danh sách kèm theo

+ Giao 277,0m² cho điện lực Tuyên Quang để xây dựng 149 cột và 2 trạm biến áp, ranh giới thu hồi được xác định theo bản đồ thu hồi 1/5000;

..3. Ranh giới thu hồi và giao đất được xác định theo hướng tuyến đường điện 35KV và các nhánh rẽ vào trạm biến áp Xóm N và thôn T xã M. Thể hiện trên bản đồ thu hồi và giao đất xây dựng công trình...”

4. Diện tích 13.230,0m² thuộc hành lang các chủ sử dụng đất vẫn sử dụng trồng cây ngắn ngày.”

Tại danh sách kèm theo quyết định 371/QĐ-UB ngày 07/07/2002 của UBND tỉnh Tuyên Quang không có tên người bị thu hồi là hộ ông Vũ Đức V (Vũ Đình V).

Tại mục III biên bản làm việc ngày 19/9/2022 kèm theo công văn số 1681/STNMT-QLĐĐ ngày 23/9/2022 của Sở tài nguyên và môi trường đã đánh giá và kết luận: “...Nhu vậy, việc thu hồi đất và giao đất xây dựng công trình cải tạo chống quá tải lưới điện hạ thế khu vực nhà máy chè, xã M, huyện Y trong danh sách thu hồi đất không thể hiện diện tích và tên chủ sử dụng đất có tên ông Vũ Đình V là có cơ sở. Để làm rõ hơn cần điều tra xác minh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V năm 1995, hồ sơ bồi thường xây dựng đường điện và hành lang của kho K814 năm 1996, hồ sơ bồi thường công trình cải tạo chống quá tải lưới điện hạ thế khu vực nhà máy chè năm 2022”.

Tại mục 2.2 công văn số 1224/UBND-TNMT ngày 02/6/2022, UBND huyện Y xác định: “Ngày 07/02/2002 UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 371/QĐ-UB về việc thu hồi và giao đất xây dựng công trình cải tạo chống quá tải lưới điện hạ thế khu nhà máy Chè, xã M, huyện Y, trong danh sách kèm theo Quyết định số 371/QĐ-UB của UBND tỉnh không có tên chủ sử dụng đất bị thu hồi là ông Vũ Đình V.”

Nhu vậy, Quyết định số 365/QĐ-UB ngày 21/6/1995 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc giao đất xây dựng đường điện 35KW cho đơn vị kho 814 không thu hồi đất thổ cư của gia đình ông V, chỉ thu hồi 112m² đất lúa, đất chè, đất màu để xây dựng 56 cột điện. Tại văn Công văn số 772/CKT-TMKH ngày 27/5/2022 Cục kỹ thuật Quân khu 2 và công văn 216 ngày 22/4/2022 của kho K28

có nội dung: Tại hồ sơ thiết kế, quyết toán và biên bản giao nhận lưới điện quân đội ngày 25/12/2008 giữa Cụm kho CK28 (bên giao) và điện lực Tuyên Quang (bên nhận) chỉ có nội dung về đường điện (đường dây, cột) kéo từ cột số 07 đến trạm biến áp cung cấp điện cho đơn vị là Trạm biến áp 180KVA -35/0,4. Trạm biến áp này được xây dựng trên diện tích đất Quốc phòng thuộc phân kho K184. Không có hồ sơ đất, không có liên quan đến diện tích đất xây dựng Trạm biến áp xã M hiện đang có tranh chấp và không có quyền sử dụng đất để bàn giao đất đó cho Công ty Đ Tuyên Quang. Như vậy Cục kỹ thuật Quân khu 2 và Kho K28 cũng xác nhận chỉ bàn giao đường dây, cột điện và toàn bộ đất sử dụng để chôn cột điện thuộc dự án. Không có nội dung bàn giao diện tích đất thổ cư của gia đình ông V cho Công ty Đ Tuyên Quang. Năm 2002 khi thực hiện việc xây dựng trạm biến áp 35KV tại diện tích đất hiện có tranh chấp, tại quyết định 371/QĐ-UB ngày 07/07/2002 của UBND tỉnh Tuyên Quang không thu hồi đối với diện tích đất của hộ ông Vũ Đình V; Tại Mục 3 Điều 1 của Quyết định 371/QĐ-UB xác định ranh giới thu hồi xây dựng 2 trạm biến áp Xóm N và Thôn T xã M, quá trình giải quyết vụ án bị đơn là Công ty Đ Tuyên Quang không xuất trình được hồ sơ thiết kế kỹ thuật đối với 02 trạm biến áp được phê duyệt theo Quyết định số 371/QĐ-UB ngày 07/7/2002, hiện tại trạm biến áp được xây dựng tại thửa đất số 255 tờ bản đồ 20 tại Thôn L (trước đây là xóm L2) xã M, huyện Y.

Từ những phân tích căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định diện tích thửa đất 255, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất Thôn L, xã M, huyện Y đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0388449 cấp cho ông Vũ Đình V sử dụng là hợp pháp, không có căn cứ chứng minh thửa đất đã được thu hồi và bồi thường, việc Công ty Đ Tuyên Quang xây dựng trạm biến áp UBND xã M 35/0,4 KV là không đúng theo quyết định 371/QĐ-UBND ngày 07/7/2002 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

Anh Nguyễn Văn T1 được UBND xã M xác nhận cho sử dụng đất để canh tác nhưng ông T1 đã xây dựng công trình (quán) trên thửa đất số 255 là không đúng như theo đơn đề nghị và cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất là hợp pháp.

Theo quy định tại thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng với cấp công trình đường dây và trạm biến áp đến dưới 01KV thuộc công trình cấp IV không nằm trong danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. Do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vũ Đình V là có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Khoản 3 Điều 157 Luật đất đai năm 2013 quy định: “...*Người đang sử dụng đất được pháp luật thừa nhận mà đất đó nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình thì được tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích sử dụng đất đã được xác định mà không được gây cản trở cho việc bảo vệ an toàn công trình...*”. Theo quy định tại điểm c Khoản 4 Điều 56 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định “*đất trong hành lang an toàn công trình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng*

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật đất đai, ...”. Do vậy, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Đình V đất trong hành lang an toàn giao thông và hành lang đường điện đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất này và không có thông báo thu hồi hoặc quyết định thu hồi đối với diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Đình V.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị đơn Công ty Đ Tuyên Quang xuất trình 02 giấy xác nhận của ông Trịnh Đình T4 và ông Đoàn Trung C4 và cho rằng những người này là những người đã trực tiếp chi trả tiền bồi thường cho ông V khi xây dựng đường dây 35KV vào K814, HĐXX thấy rằng tại giấy xác nhận đề ngày 04/12/2022 ông C4 ghi “...*Tôi có giao cho bác Vũ Đức V số tiền 5.280.000đ, bác đã nhận tiền trước sự chứng kiến của đồng chí Trịnh Đình T4 sau khi nhận tiền bác V ký vào danh sách nhận tiền đền bù sau khi thực hiện xong việc chi trả tiền đền bù cho toàn bộ số hộ dân bị thiệt hại do việc xây dựng công trình điện tôi đã hoàn thiện hồ sơ quyết toán lên cơ quan tài chính cấp trên*”. Tại giấy xác nhận đề ngày 05/12/2022 ông Trịnh Đình T4 ghi: “*Tại nhà bác V tôi đã chứng kiến đồng chí Đoàn Trung C4 giao tiền cho bác Vũ Đình V nhận số tiền 5.280.000đ bác V đã nhận đủ tiền và ký vào bảng chi trả tiền đền bù của K814 và không có bất kỳ ý kiến gì*”; xét nội dung xác nhận của ông Đoàn Trung C4 và ông Trịnh Đình T4 đều khẳng định có việc chi trả tiền cho ông Vũ Đình V, ông V có ký nhận vào bảng chi trả tiền đền bù của K814, tuy nhiên ông C4, ông T4 không xuất trình được tài liệu thể hiện có chữ ký, ký nhận tiền của ông Vũ Đình V, do vậy không có cơ sở chấp nhận các ý kiến này.

Ngoài ra tại cấp phúc thẩm các bị đơn đều không xuất trình được chứng cứ gì mới, do vậy không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thu H là vợ bị đơn Nguyễn Văn T1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị H đã trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án, chị H xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tài sản vật kiến trúc hình thành trên diện tích đất có tranh chấp là tài sản chung của hai vợ chồng anh T1, chị H, Tòa án cấp sơ thẩm không T1 chị H cùng có nghĩa vụ với anh T thực hiện nghĩa vụ là có thiếu xót, tuy nhiên chị H không có kháng cáo, mặc dù không chấp nhận kháng cáo của bị đơn nhưng sai sót của bản án sơ thẩm cần sửa bản án nên cấp phúc thẩm sửa một phần bản án về nội dung này theo hướng tuyên bố sung nghĩa vụ của chị H.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 309; Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Đ Tuyên Quang và kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn T1:

I. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS - ST, ngày 05/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Y phần nghĩa vụ của Công ty Đ Tuyên Quang, sửa một phần bản án về phần nghĩa vụ của Anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thu H như sau:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đình V.

Xử: Buộc Công ty Đ Tuyên Quang phải di dời, tháo dỡ trạm biến áp UBND xã M 35/0,4 KV, dung lượng 320KV để trả lại 75,6m² đất ở thuộc thửa đất 255, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0388449 mang tên ông Vũ Đình V cho ông Vũ Đình V trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; diện tích đất có tứ cận tại các điểm 1,2,15,14,1.

Buộc Anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thu H phải tháo dỡ gồm: Hàng rào xây gạch (cao 1,67m; dài 23,13m); Hàng rào xây gạch (cao 1,25m; dài 8,64m); Hàng rào sắt vuông (cao 1,85m; dài 9,47m); Sân bê tông không có mái che (rộng 12,33m; dài 9,5m; dày 15cm); Đường vào quán ăn (dài 4m; rộng 3,15m; dày 5cm); Sân bê tông cạnh đường giao thông (dài 10,8; rộng 5,0m; dày 15cm); Tường chắn đất, đoạn có trát (cao 0,36m; dài 3,85m); Tường chắn đất, đoạn không trát (cao 0,35m; dài 15,9m); Biển quảng cáo (dài 3m; cao 1,57m; rộng 0,165m); Sân bê tông có mái che (rộng 6,95m, dài 12,4m; dày 10cm; phần tăng thêm: 6,64m²); Phần mái tre (rộng 15,1m; dài 7,35m, phần giảm trừ 6,265m²); Để trả lại 329,9m² đất ở thuộc thửa đất 255, tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0388449 mang tên ông Vũ Đình V cho ông Vũ Đình V trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; diện tích đất có tứ cận tại các điểm 1,2,3,4,5,12,13,14,1. (Có sơ đồ mảnh trích đo hiện trạng kèm theo).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Đ Tuyên Quang di chuyển cột điện 7/371-A40 ra khỏi thửa đất số 255, tờ bản đồ 20, Thôn L, xã M, huyện Y.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Đ Tuyên Quang và anh Nguyễn Văn T1 mỗi người phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty Đ Tuyên Quang phải trả cho nguyên đơn số tiền là 3.900.000đ (*Ba triệu chín trăm nghìn đồng*), anh Nguyễn Văn T1 phải trả cho nguyên đơn số tiền là 3.900.000đ (*Ba triệu chín trăm nghìn đồng*).

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn T1, và Công ty Đ Tuyên Quang mỗi bị đơn phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu số 0004358 ngày 22/12/2022 và biên lai thu số 0004360 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, anh T1 và Công ty Đ Tuyên Quang đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26/7/2023).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Ngọc Trung

